

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST

Ngày: 21-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Văn Lộc
2. Bà Trần Thị Quế Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 2000; tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký cư trú: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**; nơi ở hiện nay: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**; Giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: **Đạo Phật Giáo H**; con ông **Lê Văn G**, sinh năm 1974 và bà **Trần Thị Cẩm N**, sinh năm 1971; bị cáo có 02 anh em ruột, bị cáo là người nhỏ nhất trong gia đình.

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình tại **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**, học đến lớp 10 thì nghỉ học.

Tiền án: Ngày 27 tháng 6 năm 2019, bị tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 10/9/2022 chấp hành án xong.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ **Công an thành phố huyện C**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1974. Có mặt

Địa chỉ: **ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang**

Người làm chứng:

- Ông **Tô H**, sinh năm 1965. Vắng mặt

- Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1958. Vắng mặt

- Ông **Võ Văn H1**, sinh năm 2001. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 45 phút ngày 08/9/2023, Đội đặc nhiệm thuộc **Công an tỉnh A** tuần tra kiểm soát trên tuyến **Quốc lộ I** để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn. Khi đến khu vực **khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang** Đội đặc nhiệm phát hiện **Lê Văn T** có hành vi cất giấu trong túi quần phía trước bên phải 01 bọc nylon trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể màu trắng, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện C** xử lý theo quy định. Bị cáo **T** khai nhận, tang vật bị thu giữ là ma túy, Bị cáo **T** mua của một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 200.000 đồng tại khu vực **cầu T, thành phố L, tỉnh An Giang** cất giấu để sử dụng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 bọc nylon trong suốt, hàn kín, chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy).

- 01 xe mô tô biển số: 67D1 - 004.04, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future X, màu sơn: Xanh đen trắng, số khung: 3503AY420098, số máy: JC35E3240086.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F11, màu xanh, số IMEI 1: 869874044479994, số IMEI 2: 869874044479986, có gắn 02 sim số: 0347606462 và 0382262931.

- 01 cây kéo bằng kim loại cán màu đen; 02 nỏ thủy tinh;

- 01 mũ bảo hiểm màu tím.

*Kết luận giám định số 175/KL-KTHS(MT-GT) ngày 12 tháng 9 năm 2022 của **Phòng K Công an tỉnh A**, xác định:* Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, có khối lượng: 0,1152g (không phẩy một một năm hai gam).

Quá trình điều tra bị cáo **T** khai: Sử dụng ma túy từ năm 2018. Ngày 08 tháng 9 năm 2023, bị cáo **T** mua của một người nam (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 200.000 đồng tại khu vực **cầu T, thành phố L, tỉnh An Giang** cất giấu để sử dụng.

Lời khai của người chứng kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Tô H**, ông **Phan Văn S**, ông **Võ Văn H1** khai: khoảng 01 giờ 45 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2023, ông **Tô H**, ông **Phan Văn S**, ông **Võ Văn H1** chứng

kiến lực lượng Công an kiểm tra thu giữ gói ma túy của bị cáo **T** như nội dung nêu trên.

- Ông **Lê Văn G** khai: ông là cha ruột của **T**, 01 xe mô tô biển số: 67D1 - 004.04, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future X, màu sơn: Xanh đen trắng, số khung: 3503AY420098, số máy: JC35E3240086 là tài sản thuộc sở hữu của ông cho bị cáo **T** mượn làm phương tiện đi lại, ông không biết bị cáo **T** sử dụng xe đi mua ma túy, ông yêu cầu được nhận lại xe.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 24 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo **Lê Văn T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo **Lê Văn T**, và đề nghị:

- Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: bị cáo **T** từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 phong bì được niêm phong (Vụ số: 175-KTHS (MT-GT) ngày 11/9/2023 có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên **Nguyễn Thị Mỹ H2**, **Lê Văn T1**. Bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng 0,0894g; là dụng cụ sử dụng ma túy đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

+ Xe mô tô biển số: 67D1-004.04, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future X, màu sơn: Xanh Đen Trắng, số khung: 3503AY420098, số máy: JC35E3240086, đã qua sử dụng, là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của ông **Lê Văn G**. Quá trình điều tra xác định, ông **G** không biết bị cáo **T** điều khiển xe của ông **G** đi mua ma túy để sử dụng. Đề nghị xem xét trao trả xe cho ông **G**;

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11, màu xanh, số IMEI 1: 869874044479994, số IMEI 2: 869874044479986, gắn 02 sim số: 0347606462 và 0382262931, đã qua sử dụng: 01 mũ bảo hiểm màu tím, đã qua sử dụng, là tài sản của **Lê Văn T**, không liên quan đến vụ án. Đề nghị xem xét trao trả cho **T**;

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận, yêu cầu được nhận lại các tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **G** xin nhận lại tài sản cá nhân và không cung cấp thêm ý kiến, tài liệu chứng cứ.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã biết sai, rất ăn năn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập, nhưng tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố họ đã cung cấp lời khai cho cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Vào lúc 01 giờ 45 phút ngày 08/9/2023, bị cáo Lê Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1152g (không phải một một năm hai gam) để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ cấu thành tội phạm về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

[4] Về hình phạt:

[4.1] Bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, đang trong độ tuổi lao động, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy, nhưng bị cáo lại lao vào con đường nghiện ngập. Để từ đó chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của bản thân mà bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là một loại chất độc hại, phá hoại sự sống của con người, phá vỡ hạnh phúc gia đình và cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn ma túy mà Nhà nước, xã hội đang ra sức thực hiện. Mặt khác, bản thân bị cáo từng bị tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nay bị cáo lại tái phạm. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã

hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Do đó, cần xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đang có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4.4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với vấn đề bị cáo **T** khai mua ma túy từ người đàn ông chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C** tiếp tục làm rõ để xử lý sau là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy đối với những vật cấm lưu hành, vật không có giá trị sử dụng; trả lại cho bị cáo và ông **G** tài sản cá nhân không liên quan đến tội phạm, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về án phí: Bị cáo **T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T** 01 (một) năm 8 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo **Lê Văn T** được tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 phong bì được niêm phong (Vụ số: 175-KTHS (MT-GT) ngày 11/9/2023 có in dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên **Nguyễn Thị Mỹ H2**, **Lê Văn T1**. Bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng 0,0894g;

- Trả lại cho bị cáo **Lê Văn T**: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11, màu xanh, số IMEI 1: 869874044479994, số IMEI 2: 869874044479986, gắn 02 sim số: 0347.606.462 và 038.226.2931, đã qua sử dụng; 01 mũ bảo hiểm màu tím, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho ông **Lê Văn G**: 01 xe mô tô biển số: 67D1-004.04, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future X, màu sơn: Xanh Đen Trắng, số khung: 3503AY420098, số máy: JC35E3240086, đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 01/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo **Lê Văn T** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo **Lê Văn T**; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Văn Giàu c** quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang ;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- VKSND H Châu Thành;
- Sở Tư pháp;
- Nhà tạm giữ Công an H Châu Thành;
- CQTHAHS Công an H Châu Thành ;
- CQĐT Công an H Châu Thành;
- Chi cục THADS H Châu Thành ;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Bộ phận THA Tòa án ;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Bích

